

Bản án số: 147/2024/DS-PT
Ngày: 26-02-2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Thanh Tòng;

Các Thẩm phán: Ông Tôn Văn Thông;
Bà Nguyễn Thị Rên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm My - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 520/2023/TLPT-DS ngày 23 tháng 11 năm 2023 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 99/2023/DS-ST ngày 19 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Ba Tri bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 4595/2023/QĐXXPT-DS ngày 28 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

Bà Đỗ Thị L, sinh năm 1963;

Địa chỉ: Khu phố C, thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (theo văn bản ủy quyền ngày 05/5/2023): Ông Phạm Quang H, sinh năm 1980; (có mặt)

Địa chỉ: Ấp G, xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn:

Bà Phạm Thị Đ, sinh năm 1949; (có yêu cầu xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Số C ấp P, xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Người kháng cáo: Bà Phạm Thị Đ, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung bản án sơ thẩm;

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Phạm Quang H trình bày:

Do chỗ quen biết, trước đó bà Đỗ Thị L có cho bà Phạm Thị Đ vay tiền nhiều lần, các lần đó bà Đ đều trả đủ tiền cho bà L. Nên vào ngày 04/5/2023, bà Đỗ Thị L có cho bà Phạm Thị Đ vay số tiền 4.100.000.000 đồng, theo bà Đ trình bày mục đích vay để xoay sở trong gia đình, không có lãi suất, không có quy định thời hạn thanh toán. Khi cho vay tiền, bà Đ có viết biên nhận nợ bằng giấy tay. Sau đó, do có nhu cầu sử dụng tiền nên bà L nhiều lần yêu cầu bà Đ trả nợ nhưng bà Đ vẫn không trả. Vì vậy, bà L khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Phạm Thị Đ phải trả cho bà L số tiền 4.100.000.000 đồng. Đồng thời bà L yêu cầu tính lãi 10%/năm từ ngày bà L nộp đơn khởi kiện là ngày 08/5/2023 đến ngày 19/10/2023 là 05 tháng 11 ngày, thành tiền 183.361.100 đồng. Tổng vốn và lãi mà bà L yêu cầu bà Đ phải trả là 4.283.361.100 đồng.

Khi vay tiền, bà Đ có thể chấp cho bà L 04 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như sau: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC748869 và số CC902923 do Ủy ban nhân dân huyện B cấp ngày 22/12/2015 cho bà Phạm Thị Đ, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S 756377 do Ủy ban nhân dân huyện B cấp ngày 16/02/2001 cho hộ bà Phạm Thị Đ, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 132980 do Ủy ban nhân dân huyện B cấp ngày 17/9/2004 cho hộ bà Phạm Thị Đ. Bà L tự nguyện trả lại cho bà Đ 04 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này sau khi bà Đ trả xong nợ cho bà L. Ngoài ra, bà L không có yêu cầu gì thêm.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Phạm Thị Đ vắng mặt nên không có lời trình bày.

Do hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện Ba Tri đã đưa vụ án ra xét xử.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 99/2023/DS-ST ngày 19 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Ba Tri đã tuyên:

Căn cứ các điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 357, 463, 466, 470 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ Thị L. Buộc bị đơn bà Phạm Thị Đ trả cho bà Đỗ Thị L số tiền 4.100.000.000đ (bốn tỷ một trăm triệu đồng) và tiền lãi là 183.361.100đ (một trăm tám mươi ba triệu ba trăm sáu mươi một nghìn một trăm đồng). Tổng cộng 4.283.361.100đ (bốn tỷ hai trăm tám mươi ba triệu ba trăm sáu mươi một nghìn một trăm đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Ghi nhận bà Đỗ Thị L tự nguyện trả lại cho bà Phạm Thị Đ 04 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà bà Đ đã thế chấp cho bà L sau khi bà Đ thanh toán xong nợ cho bà L (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC748869, CC902923 do Ủy ban nhân dân huyện B cấp ngày 22/12/2015 cho bà Phạm Thị Đ, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S 756377 do Ủy ban nhân dân huyện B cấp ngày 16/02/2001 cho hộ bà Phạm Thị Đ, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Đ 132980 do Ủy ban nhân dân huyện B cấp ngày 17/9/2004 cho hộ bà Phạm Thị Đ).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Buộc bị đơn bà Phạm Thị Đ phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 112.283.361 đ (một trăm mười hai triệu hai trăm tám mươi ba nghìn ba trăm sáu mươi một đồng).

Hoàn trả cho bà Đỗ Thị L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 56.100.000đ (năm mươi sáu triệu một trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004252 ngày 16/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 03/11/2023, bị đơn bà Phạm Thị Đ kháng cáo bản án sơ thẩm. Theo nội dung kháng cáo, bà Đ yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử:

- Xem xét cho bà có trách nhiệm trả cho bà L số tiền 4.283.361.100 đồng (trong đó tiền nợ gốc 4.100.000.000 đồng, tiền lãi là 183.361.100 đồng), bằng hình thức trả dần mỗi năm 1.000.000.000 đồng cho đến khi hết số nợ trên.

- Bà Đ là người cao tuổi nhưng Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc bà phải

đóng án phí với số tiền là 112.283.361 đồng là chưa đúng theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn bà Đ có yêu cầu xét xử vắng mặt và giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không đồng ý với kháng cáo của bị đơn, cụ thể: Bà L không đồng ý cho bà Đ trả tiền bằng hình thức trả dần mỗi năm 1.000.000.000 đồng cho đến khi hết số nợ 4.283.361.100 đồng. Còn về án phí thì đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định pháp luật.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng, những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận một phần kháng cáo của bà Đ sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 99/2023/DS-ST ngày 19 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Ba Tri. Cụ thể:

Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Phạm Thị Đ về việc không buộc bà phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Không chấp nhận đối với yêu cầu của bà Đ về việc cho bà có trách nhiệm trả cho bà L số tiền 4.283.361.100 đồng, bằng hình thức trả dần mỗi năm 1.000.000.000 đồng cho đến khi hết số nợ trên.

Các nội dung còn lại của Bản án sơ thẩm được giữ nguyên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên; xét kháng cáo của bà Phạm Thị Đ; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bị đơn bà Phạm Thị Đ kháng cáo và thực hiện các thủ tục kháng cáo hợp lệ, trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

Nguyên đơn bà Đỗ Thị L khởi kiện yêu cầu bà Phạm Thị Đ có trách nhiệm trả số tiền vay nợ gốc là 4.100.000.000đ (bốn tỷ một trăm triệu đồng) và tiền lãi là 183.361.100đ (một trăm tám mươi ba triệu ba trăm sáu mươi một

ngàn một trăm đồng). Tổng cộng 4.283.361.100đ (bốn tỷ hai trăm tám mươi ba triệu ba trăm sáu mươi một ngàn một trăm đồng).

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 99/2023/DS-ST ngày 19 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Ba Tri đã tuyên buộc bà Đ phải có nghĩa vụ trả cho bà L số tiền nợ gốc và lãi nêu trên, bà Đ không kháng cáo về nội dung này nên không xem xét.

[2.1] Xét kháng cáo của bà Đ về việc bà là người cao tuổi nhưng Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc bà phải đóng án phí với số tiền là 112.283.361 đồng là chưa đúng theo quy định pháp luật: Hội đồng xét xử xét thấy, bà Đ thuộc trường hợp người cao tuổi theo quy định pháp luật, căn cứ theo quy định tại Điều 12, 14 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, thì bà Đ thuộc trường hợp được miễn án phí dân sự sơ thẩm, tuy nhiên để được xem xét miễn án phí thì bà Đ phải nộp đơn đề nghị miễn án phí cho Tòa án có thẩm quyền kèm theo các tài liệu, chứng cứ chứng minh thuộc trường hợp được miễn án phí để Tòa án xem xét, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, bà Đ không đến Tòa án tham gia tố tụng và cũng không nộp đơn đề nghị miễn án phí cho Tòa án. Vì vậy, cấp sơ thẩm tuyên buộc bà Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền 112.283.361 đồng là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

Bà Đ kháng cáo bản án sơ thẩm và đã nộp đơn đề nghị miễn án phí cho Tòa án với lý do bà thuộc trường hợp người cao tuổi là phù hợp với quy định nên cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo này của bà, không buộc bà phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[2.2] Xét yêu cầu của bà Đ về việc cho bà có trách nhiệm trả cho bà L số tiền 4.283.361.100 đồng, bằng hình thức trả dần mỗi năm 1.000.000.000 đồng cho đến khi hết số nợ trên. Tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện theo ủy quyền của bà L không đồng ý cho bà Đ trả dần nên Hội đồng xét xử không chấp nhận nội dung kháng cáo này của bà Đ.

Từ những phân tích trên, xét thấy yêu cầu kháng cáo của bà Đ là có căn cứ một phần nên Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bà Đ, sửa một phần bản án sơ thẩm.

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận một phần nên bà Đ không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Phạm Thị Đ.

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 99/2023/DS-ST ngày 19 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

Căn cứ các điều 147, 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các điều 357, 463, 466, 470 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ Thị L đối với bị đơn bà Phạm Thị Đ. Cụ thể:

Buộc bị đơn bà Phạm Thị Đ có nghĩa vụ trả cho bà Đỗ Thị L số tiền vay gốc là 4.100.000.000đ (bốn tỷ một trăm triệu đồng) và tiền lãi là 183.361.100đ (một trăm tám mươi ba triệu ba trăm sáu mươi một nghìn một trăm đồng). Tổng cộng là 4.283.361.100đ (bốn tỷ hai trăm tám mươi ba triệu ba trăm sáu mươi một nghìn một trăm đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Ghi nhận bà Đỗ Thị L tự nguyện trả lại cho bà Phạm Thị Đ 04 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà bà Đ đã thế chấp cho bà L:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC748869 do Ủy ban nhân dân huyện B cấp ngày 22/12/2015 cho bà Phạm Thị Đ.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC902923 do Ủy ban nhân dân huyện B cấp ngày 22/12/2015 cho bà Phạm Thị Đ.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S 756377 do Ủy ban nhân dân

huyện B cấp ngày 16/02/2001 cho hộ bà Phạm Thị Đ.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Đ 132980 do Ủy ban nhân dân huyện B cấp ngày 17/9/2004 cho hộ bà Phạm Thị Đ.

2. Về án phí:

2.1 Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Phạm Thị Đ được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Đỗ Thị L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 56.100.000đ (năm mươi sáu triệu một trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004252 ngày 16/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri, tỉnh Bến tre.

2.2 Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Phạm Thị Đ được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Ba Tri;
- TAND huyện Ba Tri;
- Chi cục THADS huyện Ba Tri;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thanh T

